

Bản án số: 32/2025/HS-ST
Ngày 05 - 12 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hoài Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự

Ông Trần Văn Nghi

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ninh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4 - N sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 24/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2025/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn Q, sinh năm 1992 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370920025xx; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H và bà Phạm Thị S; có vợ Hoàng Thị Huyền T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2025 đến ngày 16/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt)

2. Phạm Quang L, sinh năm 1996 tại tỉnh Ninh Bình; Căn cước công dân số 0370960005xx; Nơi cư trú: tổ dân phố Đ, phường Đ, tỉnh Ninh Bình (trước đây là xóm Đ, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình); nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1 và bà Trần Thị T1; chưa có vợ; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08/6/2025 đến ngày 16/6/2025 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh N cho đến nay (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Chị Pịt Thị X, sinh năm 2004; Nơi ĐKHKT: bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An (vắng mặt)

2. Anh Nguyễn Minh T2, sinh năm 1976; Nơi ĐKHKT: tổ dân phố P, phường Đ, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú: tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt)

- *Người chứng kiến*: Anh Nguyễn Trần Bảo Q1, sinh năm 1993; anh Phạm Văn P, sinh năm 1986 (đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 08/6/2025, Phạm Văn Q và Phạm Quang L ngồi ăn đêm, uống rượu tại quán gần cổng Công ty M1 thuộc phường B, thành phố H, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình). Trong khi uống rượu L rủ chị Pịt Thị X, sinh năm 2004; Nơi ĐKHKT: bản X, xã Y, tỉnh Nghệ An đến uống rượu cùng. Đến khoảng 02 giờ cùng ngày, L nói với Q “làm tý cho giải rượu không?”, Q hiểu ý L là rủ sử dụng ma túy nên Q đồng ý và nói với L “cũng được”. Biết L không có tiền nên Q đưa cho L thẻ ATM của Ngân hàng TMCP B mang tên Phạm Văn Q và mật khẩu cho L để L đi rút tiền mua ma túy về sử dụng. L đồng ý rồi bắt taxi đi rút số tiền 5.000.000 đồng để đi mua ma túy còn Q và chị X đi xe taxi đến nhà nghỉ Á thuộc xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình) và thuê phòng 304 nằm đợi L. Sau khi rút tiền L đi taxi đến khu vực cổng khu đô thị X để tìm mua ma túy K và K1. Tại đây L gặp một người đàn ông không quen biết hỏi mua nửa chỉ K và 02 viên Kẹo với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, người này cầm tiền và bảo L lấy ở chỗ nào để anh ta giao. L bảo người này giao ma túy tại nhà nghỉ Á mặt đường 10, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình sau đó L đi taxi về nhà để lấy đèn quay mang đến nhà nghỉ Á. Khoảng 30 phút sau người đàn ông bán ma túy cho L đi taxi qua cửa nhà nghỉ hạ kính phía sau xuống và bảo L đến chỗ chân cầu vượt Khánh Hoà lấy ma túy. L đi bộ đến khu vực trên thì nhìn thấy 01 túi nilon bên trong có 02 viên ma túy K1, 01 tờ tiền 2.000 đồng vo tròn mở ra bên trong có ma túy Ke đã xào sẵn, 01 ống hút nhựa. L cầm về phòng 304 nhà nghỉ Á. Lên đến phòng L nói “đây em mua về đây rồi” sau đó L mang ma túy vừa mua được đặt lên ga phía cuối giường trong cùng và 01 đèn nháy chiếu sáng cùng 01 ống hút nhựa. L lấy ra 01 túi màu trắng bên trong có 02 viên ma túy K1, bỏ 01 viên ma túy Kẹo cho vào miệng nuốt và uống cùng nước lọc sau đó đặt túi nilon cùng 01 viên Kẹo trên giường. Thấy vậy Q đến cầm túi nilon lấy viên Kẹo bẻ làm đôi

cho một nửa vào miệng uống nước cùng nước ngọt còn nửa viên Q mời X nhưng X không sử dụng nên Q để nửa viên còn lại ở mặt tủ kệ kê giữa 02 chiếc giường trong phòng 304 mục đích để sử dụng tiếp, vỏ túi nilon Q vứt dưới nền phòng. Sau đó L cắm đèn quay, kết nối mở loa và nằm nghe nhạc. Khoảng mấy phút sau L dậy lấy tờ tiền 2.000 đồng bên trong có ma túy Ketamine đã xào sẵn, L dùng ống hút nhựa để sử dụng ma túy Ketamine rồi cầm mời X nhưng X không sử dụng. Sau đó L bảo Q “Anh dậy chơi đi” rồi L đặt tờ tiền xuống mặt tủ kệ kê ở đầu giường, Q ngồi dậy cầm tờ tiền 2.000 đồng trên có ma túy Ketamine dùng ống hút nhựa hút một ít ma túy Ketamine trên tờ tiền. Sử dụng ma túy xong Q đặt tờ tiền trên có ma túy để ở mặt tủ kệ ở giữa 02 giường rồi nằm xuống nghe nhạc. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày Tổ công tác Công an tỉnh N đến phòng 304 nhà nghỉ Á kiểm tra thì L cầm tờ tiền 2.000 đồng đồ hết ma túy lên mặt tủ kệ kê đầu giường vứt tờ tiền trên mặt giường trong cùng, cầm ống hút nhựa ném vào trong nhà vệ sinh. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc, thu giữ trong phòng 304 gồm:

- Thu trên mặt tủ ở giữa hai đầu giường chất tinh thể màu trắng cho vào mảnh giấy màu trắng; 01 mảnh viên nén màu xám hình dạng không xác định được bỏ vào 01 túi nilon có đường viền màu đỏ KT (6 x 9,5) cm. Tất cả được niêm phong trong phong bì ký hiệu K1;

- Thu 01 ống hút nhựa màu trắng có hình hoa văn dài 12 cm được niêm phong ký hiệu K2;

- Thu giữ của L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng bên trong có lắp sim 0974.412.060 được niêm phong ký hiệu K3;

- Thu giữ của Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen bên trong có lắp 02 sim số 0375.972.876 và 0917.379.283 được niêm phong ký hiệu K4;

- Thu giữ của X 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu trắng bên trong có lắp sim 0392.615.627 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng bên trong có lắp sim 0358.269.263 được niêm phong ký hiệu K5;

- Thu giữ 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng được niêm phong ký hiệu K6; 01 vỏ túi nilon màu trắng có đường viền màu xanh KT (4,2 x 4) cm; 01 căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q; 01 thẻ ATM màu xanh trên thẻ in dòng chữ “Phạm Văn Q2”; 01 loa cầm tay hình tròn màu xanh có tay cầm màu vàng trên loa có in chữ Harman/Kardon; 01 đèn nháy màu trắng.

Tiến hành mở niêm phong phong bì ký hiệu K1, cân xác định khối lượng, chất lượng chất tinh thể màu trắng thu giữ khi phát hiện hành vi vi phạm của Q

và L có khối lượng 0,0602 gam ký hiệu M1; cân xác định khối lượng mảnh viên nén màu xám có khối lượng 0,1662 gam ký hiệu M2; 01 ống nhựa màu trắng ký hiệu K2 cùng tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng ký hiệu K6 có bám dính chất bột màu trắng gửi trung cầu giám định tại Phòng K2 Công an tỉnh N.

Tại bản kết luận giám định số 473/KLGD-KTHS-MT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Phòng K2 Công an tỉnh N kết luận:

“- Mẫu giám định ký hiệu M1 có khối lượng là 0,0602 gam là ma túy, loại Ketamine;

- Mẫu giám định ký hiệu M2 có khối lượng là 0,1662 gam là ma túy, loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine;

- Chất bột màu trắng bám dính trong mẫu gửi giám định ký hiệu K2, K6 đều là ma túy loại Ketamine. Lượng Ketamine bám dính đều ít, không xác định được khối lượng;

M là chất ma túy có số thứ tự 247 thuộc bảng Danh mục IIC, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

Ketamine là chất ma túy thuộc bảng Danh mục III, số thứ tự 40 Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ;

MDMA là chất ma túy có số thứ tự 11 thuộc bảng Danh mục IB, Nghị định số 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”.

Tiến hành thu mẫu nước tiểu của Phạm Văn Q, Phạm Quang L và Pịt Thị X gửi trung cầu giám định tại Phòng K2 Công an tỉnh N.

Tại bản kết luận giám định số 474/KLGD-KTHS-MT ngày 13 tháng 6 năm 2025 của Phòng K2 Công an tỉnh N kết luận: “Không tìm thấy chất ma túy trong mẫu T3 gửi giám định. Tìm thấy MDMA và Ketamine trong mẫu T1, T2 gửi giám định”.

Ngày 22/6/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N ra quyết định trung cầu giám định bổ sung gửi V Bộ C giám định chất ma túy có khối lượng 0,1154 gam ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine có hàm lượng, khối lượng cùng từng chất ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 4875/KL-KTHS ngày 01 tháng 7 năm 2025 của V Bộ C kết luận: “Trong mẫu ký hiệu M2 chất ma túy Methamphetamine có hàm lượng 2,5 % có khối lượng 0,0028 gam; Ketamine hàm lượng 3,7 % có khối lượng 0,0042 gam; MDMA có hàm lượng 34,8 % có khối lượng 0,041 gam”.

Xử lý vật chứng: Đối với 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu trắng bên trong có lắp sim 0392.615.627 và điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6s Plus màu trắng bên trong có lắp sim 0358.269.263 đã thu

giữ của Pít Thị X quá trình điều tra xác định 02 chiếc điện thoại không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N đã ra quyết định trả lại 02 chiếc điện thoại trên cho chị Pít Thị X theo quy định của pháp luật. Chị X đã nhận lại tài sản và không có ý kiến gì.

Quá trình điều tra Phạm Văn Q và Phạm Quang L thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số: 05/CT-VKS-KV4 ngày 29 tháng 10 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với Phạm Văn Q, Phạm Quang L. Xử phạt:

+ Bị cáo Phạm Văn Q từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2025.

+ Bị cáo Phạm Quang L từ 30 đến 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2025.

- Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: áp dụng các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm a khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu huỷ: 03 vỏ phong bì ký hiệu K3, K4, K5; 01 phong bì ký hiệu ĐT1; 01 phong bì ký hiệu VP. Trên mặt phong bì ghi “01 vỏ phong bì niêm phong ký hiệu K6 và 01 vỏ phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT”; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH gồm: 01 ống nhựa màu trắng có hình hoa văn và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong”; 01 phong bì ký hiệu M3. Trên mặt phong bì ghi: Vỏ phong bì niêm phong ban đầu; một vỏ túi nilon màu trắng; một mảnh giấy màu trắng; 01 phong bì ký hiệu ĐT2; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH mẫu vật hoàn trả gồm: M1 = 0,0265 gam là ma túy, loại Ketamine và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong trên mặt phong bì ghi “Bộ C, V số 4875/KL-KTHS, mẫu

vật hoàn trả sau giám định niêm phong số 4875/KL-KTHS, số lượng: 1 chiếc”.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 loa cầm tay hình tròn màu xanh; 01 đèn nháy màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q: 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q; 01 thẻ ATM màu xanh, trên thẻ in chữ nổi “PHAM VAN QUYET”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, lắp kèm theo sim số 0375972876 và 0917379283 nhưng tiếp tục quản lý lại điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quang L 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng kèm có sim số 0974.412.060 nhưng tiếp tục quản lý lại điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

Về án phí: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L thừa nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Ninh Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên.

Lời nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo yên tâm cải tạo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của chính bị cáo, phù hợp với lời khai của các bị cáo khác tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Hành vi của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản sự việc do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N lập ngày 08/6/2025 (BL 127-130); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 131); biên bản mở niêm phong, cân xác định khối lượng và niêm phong vật chứng (BL 136); biên bản làm việc về việc thu mẫu nước tiểu phục vụ giám định (BL 137); Kết luận giám định số: 473, 474/KLGĐ-KTHS-MT ngày 13/6/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh N (BL 141, 145); Kết luận giám định số:

4875/KL-KTHS ngày 01/7/2025 của V Bộ C (BL 147); biên bản mở niêm phong kiểm tra điện thoại và niêm phong lại (BL 149); biên bản xét nghiệm tìm chất ma túy đối với Phạm Văn Q, Phạm Quang L (BL 271; 335) và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ 03 giờ đến 09 giờ ngày 08/6/2025, Phạm Văn Q thuê phòng 304 tại nhà nghỉ Á thuộc xóm C, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình (nay là tổ dân phố C, phường Đ, tỉnh Ninh Bình) với mục đích đưa trái phép chất ma túy vào cơ thể người khác. Phạm Quang L là người rủ rê và Phạm Văn Q đưa thẻ ATM của mình để L đi rút tiền đi mua trái phép các chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine và chuẩn bị loa đèn để Q và L cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy khi các bị cáo chưa sử dụng hết các chất ma túy thì bị Tổ công tác Công an tỉnh N kiểm tra và phát hiện.

[2] Các bị cáo đều là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đã đưa chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine vào cơ thể của người khác là trái phép xâm phạm đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với chất ma túy, tác động rất xấu đến trật tự trị an và an toàn xã hội. Ma túy là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng đến sức khỏe, trí tuệ và sự phát triển bình thường của giống nòi, làm khánh kiệt về kinh tế của người sử dụng ma túy, gây nên sự bất bình trong quần chúng nhân dân. Trong lúc Nhà nước đã và đang có nhiều biện pháp kiên quyết đấu tranh phòng chống ma túy, đáng lẽ với trách nhiệm của một công dân, bị cáo phải tham gia đấu tranh chống các tệ nạn và tội phạm về ma túy góp phần ổn định trật tự an toàn xã hội. Nhưng các bị cáo đã bất chấp pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý.

Theo quy định tại Điều 255 của Bộ luật Hình sự: Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

“1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Như vậy hành vi của các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

[3] Vụ án có 02 bị cáo tham gia phạm tội có tính chất giản đơn trong đó Phạm Quang L là người khởi xướng, rủ rê và dùng tiền của Phạm Văn Q đi mua

các chất ma túy loại Methamphetamine, MDMA, Ketamine và chuẩn bị loa đèn để sử dụng trái phép chất ma túy. Phạm Văn Q đưa thẻ ATM cùng mật khẩu để L rút tiền mua các chất ma túy và thuê phòng nghỉ để Q và L cùng sử dụng trái phép chất ma túy.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: 02 bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự; quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội không vì mục đích vụ lợi, nên miễn hình phạt bổ sung với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

- Đối với 03 vỏ phong bì ký hiệu K3, K4, K5; 01 phong bì ký hiệu ĐT1; 01 phong bì ký hiệu VP. Trên mặt phong bì ghi “01 vỏ phong bì niêm phong ký hiệu K6 và 01 vỏ phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT”; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH gồm: 01 ống nhựa màu trắng có hình hoa văn và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong”; 01 phong bì ký hiệu M3. Trên mặt phong bì ghi: Vỏ phong bì niêm phong ban đầu; một vỏ túi nilon màu trắng; một mảnh giấy màu trắng; 01 phong bì ký hiệu ĐT2; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH mẫu vật hoàn trả gồm: M1 = 0,0265 gam là ma túy, loại Ketamine và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong trên mặt phong bì ghi “Bộ C, V số 4875/KL-KTHS, mẫu vật hoàn trả sau giám định niêm phong số 4875/KL-KTHS, số lượng: 1 chiếc”. Xét ma túy là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các vật chứng còn lại là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội và không có giá trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật

Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 đèn nháy màu trắng; 01 loa cầm tay hình tròn màu xanh là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q; 01 thẻ ATM màu xanh, trên thẻ in chữ nổi “PHAM VAN QUYET”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, lắp kèm sim số 0375972876 và 0917379283 đã thu giữ của Phạm Văn Q và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng lắp kèm sim số 0974.412.060 đã thu giữ của bị cáo Phạm Quang L. Xét các vật chứng trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo theo quy định tại a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần trả lại cho các bị cáo nhưng tiếp tục quản lý lại để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

[8] Về một số tình tiết liên quan đến vụ án:

- Trong vụ án này có chị Pịt Thị X có tham gia ăn uống cùng các bị cáo Q và L. Tuy nhiên khi Q và L sử dụng trái phép chất ma túy thì chị X không sử dụng nên chị X không có hành vi vi phạm.

- Đối với anh Nguyễn Minh T2 là quản lý của nhà nghỉ Á không biết Q và L thuê phòng nghỉ để sử dụng trái phép chất ma túy đã báo hành vi các đối tượng trên sử dụng trái phép chất ma túy nên không có hành vi vi phạm.

- Đối với nguồn gốc số ma túy Methamphetamine, MDMA, Ketamine mà L đã mua của một nam thanh niên chỉ nghe tên là Q không biết tên, tuổi, địa chỉ tại ngã tư phường N, thành phố H, tỉnh Ninh Bình (nay là phường H, tỉnh Ninh Bình) với giá 2.000.000 đồng do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N không có cơ sở để điều tra, xử lý.

- Đối với lượng ma túy đã thu giữ của L và Q quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận tiếp tục sử dụng hết số ma túy trên nếu không bị phát hiện nên không có căn cứ các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Phạm Văn Q và Phạm Quang L.

Căn cứ các điểm a, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ các điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Xử phạt:

1.1 Bị cáo Phạm Văn Q 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2025.

1.2 Bị cáo Phạm Quang L 30 (ba mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 08/6/2025.

2. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền mệnh giá 2.000 đồng; 01 đèn nháy màu trắng; 01 loa cầm tay hình tròn màu xanh.

(Số tiền 2.000 đồng hiện đang có tại tài khoản số 3949.0.1054125.00000 Thị hành án dân sự tỉnh Ninh Bình theo Ủy nhiệm chi số 362 ngày 31/10/2025 của Công an tỉnh N)

- Tịch thu tiêu hủy: 03 vỏ phong bì ký hiệu K3, K4, K5; 01 phong bì ký hiệu ĐT1; 01 phong bì ký hiệu VP. Trên mặt phong bì ghi “01 vỏ phong bì niêm phong ký hiệu K6 và 01 vỏ phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT”; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH gồm: 01 ống nhựa màu trắng có hình hoa văn và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong”; 01 phong bì ký hiệu M3. Trên mặt phong bì ghi: Vỏ phong bì niêm phong ban đầu; một vỏ túi nilon màu trắng; một mảnh giấy màu trắng; 01 phong bì ký hiệu ĐT2; 01 phong bì niêm phong số 473/KL-KTHS-MT niêm phong theo quy định trên mặt phong

bì ghi: MẪU VẬT HOÀN TRẢ SAU GIÁM ĐỊNH mẫu vật hoàn trả gồm: M1 = 0,0265 gam là ma túy, loại Ketamine và toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 phong bì niêm phong trên mặt phong bì ghi “Bộ C, V số 4875/KL-KTHS, mẫu vật hoàn trả sau giám định niêm phong số 4875/KL-KTHS, số lượng: 1 chiếc”; 01 đèn nháy màu trắng.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Văn Q: 01 Căn cước công dân mang tên Phạm Văn Q; 01 thẻ ATM màu xanh, trên thẻ in chữ nổi “PHAM VAN QUYET”; 01 điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màu xanh đen, lắp kèm sim số 0375972876 và 0917379283.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Quang L: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus màu vàng lắp kèm sim số 0974.412.060.

Tiếp tục quản lý lại các điện thoại di động để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo.

(Chi tiết như biên bản giao vật chứng ngày 30/10/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh N và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4, tỉnh Ninh Bình).

3. Về án phí: Các bị cáo Phạm Văn Q, Phạm Quang L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 05/12/2025. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- VKSND khu vực 4 - Ninh Bình: 03 bản;
- Phòng PC04 Công an tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh: 01 bản;
- Phòng HS&NV CA tỉnh: 01 bản;
- Trại tạm giam số 1 CA tỉnh: 02 bản;
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản;
- Bị cáo: 02 bản;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: 02 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản;
- Lưu tòa, HCTP: 03 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trịnh Thị Hoài Thu

(Thông báo cho chính quyền địa phương nơi
bị cáo cư trú).